HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Trần Văn Biên
Viện Nhà nước và Pháp luật
Tác giả liên hệ: tranvanbien@yahoo.com

Ngày nhận: 16/10/2023
Ngày nhận bản sửa: 03/11/2023
Ngày duyệt đăng: 21/12/2023

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích những tác động của công nghệ số tới hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại. Trên cơ sở đó, tác giả lập luận đưa ra những định hướng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Giải quyết tranh chấp thương mại, giải quyết tranh chấp trực tuyến, công nghệ số.*

Perfecting the Law on Commercial Dispute Resolution in the Current Digital Technology Age in Viet Nam

Dr. Tran Van Bien
Institute of State anh Law
Corresponding Author: tranvanbien@yahoo.com

Abstract

The article focuses on analyzing the impacts of digital technology on commercial dispute resolution activities. On that basis, the author argues, provides directions, and proposes a number of solutions to improve the law related to common issues of commercial dispute resolution in Vietnam today.

Keywords: *Commercial dispute resolution, online dispute resolution, digital technology.*

1. Tác động của công nghệ số tới hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại

Thành tựu quan trọng của Cách mạng công nghiệp 4.0 là khả năng ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Kết quả của quá trình này là sự ra đời của những sản phẩm, dịch vụ mới; quy trình, mô hình sản xuất, kinh doanh và quản trị mới. Công nghệ số đang tác động sâu sắc, nhiều chiều đến đời sống kinh tế - xã hội, đời sống pháp lý, trong đó có hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại, thể hiện ở một số khía cạnh sau đây:

Một là, bên cạnh việc làm gia tăng về số lượng và mức độ phức tạp của tranh chấp pháp lý, công nghệ số còn làm phát sinh một số loại tranh chấp mới.

Quá trình phát minh và ứng dụng các thành tựu công nghệ mới đang làm thay đổi nhiều quan hệ xã hội và hình thành một số dạng thức tranh chấp mới, ví dụ: các tranh chấp về tài sản mã hóa, tiền mã hóa; các tranh chấp phát sinh từ

giao dịch điện tử, giao dịch số, hợp đồng thông minh; các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm công nghệ; tranh chấp phát sinh từ các mô hình kinh doanh mới… Bên cạnh đó, các tranh chấp phát sinh ngày càng nhiều về số lượng và phức tạp về tính chất. So với các tranh chấp truyền thống thì các tranh chấp này mang nhiều đặc thù, đòi hỏi phải có cơ chế giải quyết phù hợp, vừa đảm bảo tính chính xác, vừa phải nhanh chóng để đáp ứng với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ. Muốn vậy, các chủ thể giải quyết tranh chấp, ngoài việc phải am hiểu pháp luật, còn phải hiểu được bản chất, cách thức vận hành công nghệ cốt lõi để áp dụng pháp luật phù hợp với bản chất tranh chấp.

Mức độ phức tạp trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ thời đại công nghệ số không chỉ xuất phát từ những vấn đề pháp lý mới, mà còn phát sinh từ sự giao thoa giữa các vấn đề pháp lý mới nảy sinh và các vấn đề pháp lý đang hiện hữu; sự "giằng co" giữa tư duy cũ, cách làm cũ với những yêu cầu mới, cách làm mới đặt ra từ sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ. Ngay trong lòng những quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp đã được quy định trong pháp luật hiện hành, vẫn tiếp tục phát sinh những nội hàm mới dưới sự chuyển hóa, biến đổi không ngừng của các thành tựu khoa học công nghệ. Ví dụ, tranh chấp từ hợp đồng thông minh *(smart contract)* có được giải quyết như một tranh chấp hợp đồng thông thường hay không? Chủ thể nào chịu trách nhiệm cuối cùng trong trường hợp trí tuệ nhân tạo (AI) gây thiệt hại dẫn đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng? Việc giao nộp chứng cứ, giá trị chứng minh của dữ liệu được lưu trữ trên nền tảng chuỗi khối *(blockchain)* như thế nào? Phiên tòa trực tuyến có giá trị pháp lý như phiên tòa trực tiếp hay không?

Hai là, công nghệ số làm thay đổi nhiều quan niệm truyền thống, cách thức vận hành của các thiết chế giải quyết tranh chấp.

Đầu tiên, công nghệ số làm thay đổi đối tượng tranh chấp, quan hệ pháp luật trong tranh chấp. Ví dụ, thời gian qua có nhiều tranh cãi xung quanh định nghĩa về tài sản trong Bộ luật Dân sự có bao hàm cả tài sản mã hóa *(crypto asset)* hay không, dẫn đến một số vướng mắc pháp lý phát sinh trên thực tế, như việc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hủy các quyết định về truy thu thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng của một cá nhân kinh doanh tiền mã hóa với lý do chưa có quy định pháp luật công nhận tiền mã hóa là hàng hóa [1]; tính hợp pháp của việc Trường Đại học FPT thu học phí bằng Bitcoin [2]… Hiệu lực pháp lý của hợp đồng thông minh cũng là vấn đề cần được nhận diện và giải quyết trong tương lai gần, do hợp đồng thông minh có nhiều khác biệt căn bản so với hợp đồng truyền thống [3].

Công nghệ số cũng làm thay đổi quan niệm về chứng cứ, cách thức thu thập, cung cấp, giao nộp chứng cứ và giá trị chứng minh của chứng cứ. Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Chứng cứ trong vụ việc dân sự là *những gì có thật* được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định". Như vậy, các thông tin, dữ liệu

chỉ tồn tại trên không gian mạng (không gian "ảo"), ví dụ, tiền mã hóa có được coi là chứng cứ không? Mặc dù khoản 1 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ và khoản 3 Điều 95 đã liệt kê các hình thức của thông điệp dữ liệu được coi là chứng cứ, nhưng đến nay, sự ra đời của nhiều hình thức dữ liệu điện tử, dữ liệu số tiếp tục thách thức quan niệm về chứng cứ trong pháp luật tố tụng dân sự.

Bên cạnh đó, công nghệ số với sự phát triển vượt trội của các nền tảng trực tuyến đã làm quá trình thu thập, giao nộp chứng cứ trở nên đơn giản, tiện dụng, nhanh chóng; các thông tin được công khai cũng dễ tiếp cận và kiểm chứng hơn với mọi chủ thể. Đặc biệt, sự ra đời của công nghệ chuỗi khối và các hình thức lưu trữ dữ liệu phi tập trung khác đã mở ra tiềm năng xác thực thông tin với độ tin cậy và khả năng bảo mật rất cao do tính phi tập trung của việc lưu trữ dữ liệu. Do đó, chủ thể giải quyết tranh chấp hoàn toàn có thể sử dụng những biện pháp kỹ thuật để tự truy cập nguồn chứng cứ; kiểm chứng thông tin, tình tiết tranh chấp hoặc xác thực tài liệu đương sự cung cấp. Bằng cách giải phóng đương sự khỏi một số nghĩa vụ chứng minh, quá trình giải quyết tranh chấp được tiến hành nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm hơn. Ngoài ra, giá trị chứng minh của chứng cứ điện tử, chứng cứ số còn phụ thuộc rất nhiều vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức xác định chủ thể khởi tạo, gửi, nhận thông điệp dữ liệu. Và điều này sẽ làm thay đổi phương thức đánh giá chứng cứ của thẩm phán, trọng tài viên và các chủ thể liên quan trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Ba là, các thành tựu của công nghệ số cung cấp thêm những phương tiện, công cụ mới hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp được chính xác, nhanh chóng, thuận tiện hơn.

Trước hết, các thành tựu khoa học công nghệ làm đa dạng hóa cách thức tiếp cận các thiết chế giải quyết tranh chấp của các bên tranh chấp. Hiện nay, một số thiết chế giải quyết tranh chấp cho phép nhiều giao dịch bằng văn bản được tiến hành toàn bộ qua phương tiện điện tử thay cho bản cứng, ví dụ: nộp đơn yêu cầu; giao nộp tài liệu, chứng cứ; tống đạt, thông báo văn bản tố tụng; tiếp cận chứng cứ do phía bên kia cung cấp;… không nhất thiết phải tiến hành một cách trực tiếp hoặc qua bưu điện, mà có thể được trao đổi qua các phương tiện liên lạc điện tử.

Ngoài ra, khoa học công nghệ còn cung cấp nhiều công cụ cho phép Tòa án, trọng tài mở các phiên họp từ xa (trực tuyến) thông qua hội nghị truyền hình (video conference); cho phép chủ thể giải quyết tranh chấp nhanh chóng tiếp cận các cơ sở dữ liệu được số hóa để kiểm chứng, xác thực thông tin mà không cần các bên cung cấp, giao nộp chứng cứ trực tiếp; cho phép Tòa án nhanh chóng tiếp cận hệ thống án lệ có liên quan đến tranh chấp đang được giải quyết (đặc biệt tại các nước theo truyền thống pháp luật Anh - Mỹ); tạo điều kiện cho người làm chứng và các bên thứ ba khác tham gia phiên giải quyết tranh chấp, xuất trình chứng cứ từ xa…

Đồng thời, thông tin về điều kiện, quy trình, thủ tục tiến hành các hình thức giải quyết tranh chấp; thông tin về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp được công khai trên mạng đã tạo điều

kiện thuận lợi cho các bên tham gia quá trình giải quyết tranh chấp. Trong những năm gần đây, các thành tựu khoa học công nghệ đã được phổ cập đến phần lớn người dân và có sức lan tỏa mạnh mẽ đến nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Công nghệ cho phép nhiều quy trình, thủ tục được tiến hành một cách nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm hơn so với cách làm truyền thống. Nói tóm lại, công nghệ số đã tạo điều kiện cho các bên tham gia quá trình giải quyết tranh chấp và cho phép quá trình giải quyết tranh chấp được diễn ra nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm. Quan trọng hơn hết, việc ứng dụng công nghệ số cho phép các bên tham gia các phiên hòa giải, trọng tài, Tòa án trực tuyến, tức là xóa đi rào cản về địa lý trong giải quyết tranh chấp, làm mở rộng phạm vi tiếp cận các thiết chế giải quyết tranh chấp của các chủ thể trong xã hội.

Bốn là, công nghệ số là tiền đề cho sự ra đời phương thức giải quyết tranh chấp mới. Xuất phát từ nhu cầu giải quyết khối lượng lớn tranh chấp một cách nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm, hiện nay, nhiều hệ thống giải quyết tranh chấp trực tuyến *(online dispute resolution,* viết tắt là ODR) đã hình thành ở nhiều nước trên thế giới. Thuật ngữ ODR thường dùng để chỉ phương thức giải quyết tranh chấp trong nội bộ của một nền tảng trực tuyến, phục vụ mục đích giải quyết tranh chấp trực tuyến cho các bên khi có tranh chấp phát sinh, đặc biệt phù hợp cho các tranh chấp thương mại điện tử, tranh chấp tiêu dùng giá trị nhỏ, các tranh chấp phát sinh trong mô hình kinh tế chia sẻ và các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại khác mà các bên tranh chấp cách xa nhau về địa lý. Hệ thống ODR cho phép các bên tiến hành toàn bộ quy trình giải quyết tranh chấp trên không gian mạng, đồng thời, có khả năng tận dụng công nghệ thông minh của Cách mạng công nghiệp 4.0 như học sâu *(deep learning)* và AI để có thể tự động giải quyết các tranh chấp đơn giản [4].

Từ những phân tích trên, có thể thấy: công nghệ số đang tác động lên hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại một cách mạnh mẽ, sâu rộng và toàn diện, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động giải quyết tranh chấp, vừa làm thay đổi cách thức hoạt động của các thiết chế giải quyết tranh chấp, thậm chí tạo tiền đề cho những phương thức giải quyết tranh chấp mới ra đời. Công nghệ số là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các phương thức giải quyết tranh chấp, nhưng cũng chính là công cụ hữu hiệu để hiện thực hóa sự phát triển mang tính đột phá đó. Ở chiều ngược lại, việc giải quyết tranh chấp nhanh chóng, chính xác, tôn trọng thực tiễn khách quan cũng tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích sự phát triển của khoa học, công nghệ số, tác động tích cực tới tiến trình phát triển của xã hội. Do đó, việc chuyển đổi số trong hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại phải được coi là một định hướng ưu tiên để chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số

2.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số

Trước những tác động của thời đại công nghệ số, việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp cần được triển

khai theo những định hướng sau:

Thứ nhất, công nghệ số tất yếu làm phát sinh những dạng thức tranh chấp mới như: các tranh chấp liên quan đến tài sản mã hóa, tiền mã hóa, quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm công nghệ mới; các tranh chấp phát sinh từ giao dịch số, hợp đồng thông minh; các tranh chấp phát sinh từ mô hình kinh doanh mới… Vì vậy, pháp luật cần ghi nhận những dạng thức tranh chấp mới này và quy định rõ thẩm quyền giải quyết các tranh chấp đó cho Tòa án, trọng tài hoặc các thiết chế giải quyết khác. Bản chất của hoạt động giải quyết tranh chấp là việc xác định, mổ xẻ và giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tranh chấp, do đó, việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp không tách rời việc hoàn thiện nội dung pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh tranh chấp. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật tố tụng (luật hình thức), còn cần chú trọng hoàn thiện cả pháp luật nội dung (luật vật chất) điều chỉnh những quan hệ xã hội liên quan đến những vấn đề mới phát sinh trong thời đại công nghệ số.

Thứ hai, thúc đẩy phát triển hoạt động giải quyết tranh chấp trực tuyến theo lộ trình, trước mắt, cho phép thực hiện một số hoạt động tố tụng trên không gian mạng, hướng đến thực hiện trọn vẹn việc giải quyết tranh chấp trên không gian mạng. Để đạt được điều này, bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận quyền được thực hiện các quy trình, thủ tục giải quyết tranh chấp trên môi trường mạng trong hệ thống pháp luật, cần phải xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng để tạo điều kiện phát triển dịch vụ giải quyết tranh chấp trực tuyến, đồng thời, phát triển hệ thống dịch vụ bổ trợ như dịch vụ tiếp nhận và gửi đơn yêu cầu và tài liệu trực tuyến; chữ ký số từ xa (không dùng USB token); công chứng, chứng thực dữ liệu điện tử; thừa phát lại đối với sự kiện, hành vi trên môi trường mạng.

Thứ ba, thống nhất ghi nhận và tôn trọng giá trị pháp lý, giá trị chứng minh của dữ liệu điện tử trong quá trình giải quyết tranh chấp; đối xử bình đẳng giữa thông tin được thể hiện bằng hình thức điện tử và thông tin được thể hiện trên văn bản giấy; giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh của các bên đối với một số tình tiết, sự kiện có thể được chủ thể giải quyết tranh chấp tự kiểm chứng, xác thực.

Thứ tư, mở rộng phạm vi các tranh chấp được giải qutyết theo hình thức trực tuyến; các hình thức giải quyết tranh chấp trực tuyến cần trở nên dễ tiếp cận hơn cho các bên thông qua việc điều chỉnh điều kiện luật định để tranh chấp được giải quyết trực tuyến; yêu cầu một cách hợp lý về kĩ thuật, công nghệ và địa điểm, không gian các bên tham gia phiên họp, phiên tòa giải quyết tranh chấp; tối ưu hóa chi phí giải quyết tranh chấp; hạn chế tối đa việc giao dịch, trao đổi văn bản giấy. Đồng thời, cần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết tranh chấp trực tuyến.

2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại trong thời đại công nghệ số

Từ các định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại dưới tác động của thời đại công nghệ số tại Việt Nam, có thể đề xuất một số giải pháp bước đầu để hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại như sau:

2.2.1. Hoàn thiện pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng để nhận diện rõ các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ pháp luật mới, đồng thời, quy định rõ thẩm quyền của Tòa án, trọng tài đối với các loại tranh chấp mới phát sinh trong thời đại công nghệ số

Với sự ra đời của nhiều sản phẩm, dịch vụ mới; quy trình, mô hình sản xuất, kinh doanh và quản trị mới, công nghệ số làm phát sinh nhiều quan hệ xã hội mới, nhiều tranh chấp mới mà hệ thống pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh, hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ, chưa hợp lý, dẫn đến những cách hiểu, cách áp dụng khác nhau. Do đó, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết tranh chấp, cần phải lưu ý nghiên cứu, rà soát, bổ sung cơ sở pháp lý giải quyết một số vấn đề cơ bản, ví dụ: (i) Bản chất pháp lý của tài sản mã hóa *(crypto asset)* và quyền của chủ sở hữu tài sản mã hóa; (ii) Bản chất pháp lý của hợp đồng thông minh *(smart contract)*; (iii) Bản chất pháp lý của các mô hình kinh tế chia sẻ và xác định trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong mô hình kinh tế chia sẻ; (iv) Nguyên tắc xác định trách nhiệm dân sự trong trường hợp thiệt hại do hoạt động của trí tuệ nhân tạo gây ra; (v) Quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm của trí tuệ nhân tạo. Trên cơ sở nhận diện các quan hệ pháp luật mới này, pháp luật tố tụng (Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại) cần bổ sung quy định để trao thẩm quyền giải quyết tranh chấp cho Tòa án, trọng tài.

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định trong pháp luật tố tụng để có thể thực hiện được một số hoạt động tố tụng trên không gian mạng

Một số quy định của pháp luật hiện hành chưa cho phép các chủ thể được thực hiện một số thủ tục liên quan đến giải quyết tranh chấp trên môi trường mạng, cần được sửa đổi. Ví dụ: *"Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên"* (khoản 1 Điều 21 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013); *"Các bản giải trình, văn thư giao dịch và tài liệu khác của mỗi bên phải được gửi tới Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài với số bản đủ để mỗi thành viên trong Hội đồng trọng tài có một bản, bên kia một bản và một bản lưu tại Trung tâm trọng tài"* (khoản 1 Điều 12 Luật Trọng tài thương mại năm 2010); *"Đơn khiếu nại phải kèm theo bản sao đơn khởi kiện, thoả thuận trọng tài, quyết định của Hội đồng trọng tài. Trường hợp giấy tờ kèm theo bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt và được chứng thực hợp lệ"* (khoản 3 Điều 44 Luật Trọng tài thương mại năm 2010); *"Kèm theo đơn yêu cầu phải có các giấy tờ sau đây… Giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực hợp lệ"* (khoản 2 Điều 70 Luật Trọng tài thương mại năm 2010); *"Phiên tòa được tổ chức tại trụ sở Tòa án hoặc có thể ngoài trụ sở Tòa án nhưng phải bảo đảm tính trang nghiêm và hình thức phòng xử án…"* và *"đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa"* (Điều 223, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); *"Việc xét xử phải bằng lời nói và được tiến hành tại phòng xử án"* (khoản 2 Điều 225 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); *"Người tham gia phiên tòa… phải xuất trình giấy triệu tập, giấy mời, các giấy tờ có liên quan khác cho Thư ký phiên tòa tại bàn thư ký… và ngồi đúng vị trí*

trong phòng xử án…" (khoản 3 Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); *"Sau khi đã trình bày xong, người làm chứng ở lại phòng xử án để có thể được hỏi thêm"* (khoản 3 Điều 253 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Bên cạnh việc rà soát để sửa đổi các quy định bắt buộc phải thực hiện trực tiếp như đã nêu trên, cần bổ sung các quy định mới để có thể thực hiện một số hoạt động, một số quy trình, thủ tục trên không gian mạng, hướng đến các trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được tiến hành hoàn toàn trên không gian mạng, trong đó, cần lưu ý các vấn đề sau: (i) Từng bước mở rộng các trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp được phép tiến hành trên không gian mạng; (ii) Không bắt buộc phải giao, nộp dưới hình thức "bản cứng" đơn từ, tài liệu, chứng cứ một cách không cần thiết (ví dụ, không yêu cầu giao nộp bản cứng nếu văn bản gửi qua mạng đã sử dụng chữ ký số); (iii) Bổ sung một số quy định để có thể thực hiện một số thủ tục tố tụng, phiên họp, phiên tòa trực tuyến. Việc thực hiện một số thủ tục tố tụng trực tuyến phải căn cứ vào khả năng đáp ứng của hạ tầng công nghệ; sự tự nguyện, mức độ sẵn sàng và khả năng tiếp cận công nghệ của các bên tham gia. Trong cơ chế này, cơ quan giải quyết tranh chấp không nên bắt buộc các bên phải tham gia trực tuyến; nhưng việc một bên không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng tham gia trực tuyến sẽ không làm ảnh hưởng gì đến việc tham gia trực tuyến của bên kia. Những người không đủ điều kiện hoặc không có nguyện vọng tham gia trực tuyến vẫn có quyền tham dự và trình bày tại một phiên họp được tiến hành theo phương thức truyền thống.

2.2.3. Hoàn thiện quy định pháp luật về chứng cứ, chứng minh

Hiện nay, quy định pháp luật về chứng cứ nói chung, về chứng cứ điện tử và giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử nói riêng chưa đáp ứng được sự phát triển phong phú, đa dạng của hình thức chứng cứ. Do đó, cần phải rà soát, nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật về chứng cứ nhằm phục vụ hoạt động giải quyết tranh chấp trong thời đại công nghệ số, trong đó, tập trung vào một số vấn đề sau:

a. Làm rõ nội hàm của chứng cứ điện tử, phân biệt rõ ràng giữa chứng cứ điện tử (quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015) và chứng cứ được gửi bằng phương thức điện tử (quy định trong Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP), từ đó, có các nguyên tắc riêng xác định giá trị của mỗi loại chứng cứ một cách phù hợp.

b. Quy định cụ thể về thu thập chứng cứ điện tử, trong đó, giải quyết các vấn đề về nguyên tắc, trình tự, hậu quả pháp lý của việc thu thập chứng cứ điện tử (ví dụ, để có giá trị chứng cứ, thông tin có cần phải được trích xuất bởi chính nền tảng chứa đựng thông tin hay không? Dữ liệu được trích xuất từ nền tảng nào thì được coi là đáng tin cậy, có giá trị chứng cứ, chứng minh?). Đồng thời, cần xây dựng cơ sở pháp lý cho hoạt động lập vi bằng đối với những sự kiện, hành vi diễn ra trên môi trường điện tử.

c. Xây dựng các nguyên tắc xác minh, đánh giá chứng cứ điện tử, trong đó, lưu ý một số vấn đề như sau: (i) Đảm bảo quyền được thu thập, giao nộp, xuất trình chứng cứ điện tử của đương sự; (ii) Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh của đương sự; (iii) Đảm bảo không có sự phân biệt đối

xử giữa chứng cứ điện tử và chứng cứ truyền thống trong quá trình xác minh, đánh giá chứng cứ. Trong trường hợp một chứng cứ truyền thống mâu thuẫn với một chứng cứ điện tử, không được mặc nhiên coi chứng cứ truyền thống có giá trị cao hơn; (iv) Không có sự phân biệt đối xử giữa các nguồn chứng cứ điện tử có bản chất tương tự nhau; (v) Không yêu cầu cung cấp chứng cứ truyền thống để xác thực chứng cứ điện tử, trừ khi có căn cứ rõ ràng cho thấy chứng cứ điện tử không đáng tin cậy, và việc cung cấp chứng cứ truyền thống sẽ giải quyết được vấn đề trên; (vi) Hạn chế tối đa việc đặt thêm điều kiện có giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử; việc đặt thêm điều kiện có giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử phải đảm bảo sự cần thiết, hợp lý, khả thi và trên cơ sở quy định tường minh của pháp luật; (vii) Tôn trọng thông lệ quốc tế trong việc xác minh, đánh giá chứng cứ điện tử.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh công nghệ số mở ra nhiều phương thức tiếp cận, xác thực thông tin, cần phải nhìn nhận lại đối tượng, phạm vi nghĩa vụ chứng minh theo hướng mở rộng phạm vi tình tiết, sự kiện không phải chứng minh mà được thừa nhận một cách đương nhiên. Ví dụ, thông tin đã được công khai rộng rãi trên mạng, thông tin được lưu trữ trên chuỗi khối không thể thay đổi (công nghệ blockchain và các công nghệ tương tự)… nên được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

2.2.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về công chứng điện tử

Pháp luật hiện hành chỉ quy định về dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử, chữ ký số, trong khi pháp luật quy định nhiều văn bản phải được công chứng, chứng thực về mặt nội dung. Do đó, cần bổ sung cơ sở pháp lý cho việc công chứng, chứng thực nội dung thông điệp dữ liệu điện tử trong pháp luật về giao dịch điện tử hoặc quy định trong pháp luật về công chứng, chứng thực. Bên cạnh đó, cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng cho dịch vụ công chứng điện tử (công chứng bằng phương thức điện tử thông qua chữ ký số và con dấu số [5]) để hoạt động công chứng có thể được thực hiện hoàn toàn trực tuyến, tạo thuận lợi cho các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp thương mại.

2.2.5. Quy định về cách thức xử lý khi quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến phát sinh rủi ro

Quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến có thể phát sinh nhiều rủi ro như rủi ro bảo mật; rủi ro mạo danh khi tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp; rủi ro khi người làm chứng, chuyên gia được hướng dẫn, "huấn luyện" *(witness coaching)*[1] ngay trong phiên họp giải quyết tranh chấp; rủi ro khi truyền tải âm thanh, hình ảnh, văn bản không được đầy đủ, rõ ràng, dẫn đến các bên

[1] Đây là hiện tượng người làm chứng có thể được bên yêu cầu nhân chứng hướng dẫn, "huấn luyện" cách trả lời các câu hỏi tại phiên họp giải quyết tranh chấp để đưa ra lời khai có lợi cho bên mình. Việc tổ chức phiên họp trực tuyến làm phát sinh lo ngại về việc người làm chứng được "nhắc bài" trực tiếp, do: (i) Máy quay chỉ truyền hình ảnh của một góc cố định, không cho phép nhìn toàn cảnh địa điểm người làm chứng truy cập vào phiên họp; (ii) Phần mềm họp trực tuyến luôn cho phép người nói tắt tiếng của chính mình, làm các bên tham gia khó có thể biết đến sự hiện diện của người khác bên cạnh người làm chứng.

có thể không thực hiện được các quyền của mình một cách đầy đủ, trọn vẹn… Trong khi đó, hệ thống quy định hiện hành chưa đưa ra được cách thức giải quyết thỏa đáng để trung hòa lợi ích của các bên khi rủi ro xảy ra, đặc biệt là nếu rủi ro hiện thực hóa thành hậu quả pháp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong tranh chấp.

Do đó, cần phải rà soát Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại và các văn bản hướng dẫn; bổ sung các nguyên tắc giải quyết khi quá trình giải quyết tranh chấp trực tuyến phát sinh rủi ro và phương pháp khắc phục hậu quả nếu có. Trong quá trình xây dựng nguyên tắc chung cũng như biện pháp giải quyết rủi ro cụ thể, cần phải tính đến các yếu tố: (i) Thời điểm phát sinh rủi ro (trước, sau hay trong giai đoạn nào của quá trình giải quyết tranh chấp); (ii) Thời điểm phát hiện rủi ro; (iii) Mức độ ảnh hưởng của rủi ro đến việc đảm bảo các yêu cầu cơ bản của hoạt động giải quyết tranh chấp và kết quả giải quyết tranh chấp; và (iv) Tính chất của rủi ro (rủi ro vì lý do chủ quan hay khách quan, có thể khắc phục trong thời gian ngắn hay không…). Cần phải xây dựng hệ thống nguyên tắc cụ thể, tránh quy định chung chung dẫn đến áp dụng tùy tiện, thiếu thống nhất.

Đơn cử, đối với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, cần phải sửa đổi nguyên tắc đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà rời phiên họp giải quyết tranh chấp khi không được Hội đồng trọng tài chấp thuận thì sẽ phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi (Điều 56 Luật Trọng tài thương mại năm 2010). Cụ thể, cần ghi nhận tình huống các bên có thể bị rời phiên họp trực tuyến ngoài ý muốn do gặp vấn đề về kỹ thuật. Nếu có thể xác định bên rời phiên họp không có lỗi, bên đó không nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi.

Về xử lý tình huống xảy ra trong phiên tòa trực tuyến, Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến đã có quy định bước đầu tại Điều 14, theo đó, Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa nếu trước khi diễn ra phiên tòa hoặc trong quá trình diễn ra phiên tòa trực tuyến mà hệ thống trực tuyến bị gián đoạn do lỗi kết nối đường truyền, mất điện hoặc sự cố khác làm phiên tòa không thể tiếp tục được. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục xây dựng hệ thống nguyên tắc cụ thể, bao quát nhiều trường hợp hơn, phân hóa tốt hơn giữa các tình huống khác nhau, đồng thời, phân định rõ quyền lợi, trách nhiệm của các chủ thể khi xảy ra tình huống.

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp, cần chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật, trong đó, việc nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, khả năng tiếp cận công nghệ, quyết tâm ứng dụng thành tựu công nghệ của các thiết chế giải quyết tranh chấp, các bên tranh chấp có vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại thời đại công nghệ số.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bản án số 22/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc khiếu kiện Quyết định truy thu thuế.

[2]. Nguyễn Hiền. *"FPT thu học phí bằng bitcoin: Có thể bị phạt tới 200 triệu đồng?"*. Báo Dân Trí, 2017, https://dantri.com.vn/kinh - doanh/fpt - thu - hoc - phi - bang - bitcoin - co - the - bi - phat - toi - 200 - trieu - dong - 20171028094812322.htm. Truy cập ngày 30/12/2021.

[3]. Phan Vũ. "Hợp đồng thông minh và một số vấn đề pháp lý đặt ra". *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật,* số 5/2019.

[4]. Trần Anh Huy. *"Hoàn thiện khung pháp luật về giải quyết tranh chấp liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ"*, Kỷ yếu Hội thảo Chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về những vướng mắc, bất cập và hướng hoàn thiện các quy định pháp luật dân sự về giao dịch, hợp đồng, sở hữu, quyền tài sản và cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan đến mô hình kinh tế chia sẻ do Bộ Tư pháp phối hợp với tổ chức Hanns Seidel Foundation, CHLB Đức tổ chức ngày 04 - 05/11/2021 tại Hà Nội.

[5]. Phan Thị Bình Thuận. "Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0". *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp,* số 20 (420), 2020.